

# Một số điểm mới về PHƯƠNG PHÁP VÀ NỘI DUNG TÍNH HDI

TS. Nguyễn Quán

Như thường lệ, 4/11/2010 Báo cáo phát triển con người (HDR) công bố giá trị chỉ số phát triển con người (HDI) và xếp hạng các nước thông qua giá trị HDI. Năm 2010 là năm kỷ niệm 40 năm tính HDI và 20 năm (1990-2010) HDR đều đặn hàng năm công bố và xếp hạng HDI của các nước. Trong dịp này, HDR đã áp dụng phương pháp tính mới chỉ tiêu HDI. Chúng tôi giới thiệu những cái mới trong phương pháp tính HDI.

HDI là chỉ số tổng hợp của tuổi thọ trung bình, tỷ lệ người biết chữ, giáo dục và các tiêu chuẩn cuộc sống của các quốc gia trên thế giới. Nó là chỉ số thể hiện tiêu chuẩn của chất lượng cuộc sống. Thông qua HDI để đánh giá một quốc gia là nước phát triển, đang phát triển và nước kém phát triển. Đây cũng là chỉ số xác định ảnh hưởng của các chính sách của Nhà nước đến chất lượng cuộc sống của dân cư. HDI bắt đầu được phát triển bởi nhà kinh tế Pakistan Manbub-ul Haq và nhà kinh tế Ấn Độ Amartya Sen. Cơ quan HDR hàng năm thu thập thông tin, tính toán và công bố giá trị HDI và xếp hạng các nước thông qua giá trị HDI. Các số liệu thường chậm hai năm, thí dụ ngày 18/12/2008 công bố HDI trên cơ sở dữ liệu năm 2006.

Trong 40 năm qua, nhất là từ năm 1990 đến nay, HDR nhận thấy nội dung và phương pháp tính cơ bản không có thay đổi lớn. Tuy nhiên HDR cũng như thấy một số hạn chế về nội dung và phương pháp tính HDI. Hạn chế quan trọng nhất không phản ánh đúng hơn, gần hơn sự phát triển con người

trong điều kiện không muốn mở rộng thêm các thành tố tính HDI, vì thêm phức tạp trong việc thu thập thông tin của các quốc gia, trước hết là 192 nước thành viên Liên hợp quốc. HDR đã sử dụng công thức tính HDI mới như sau:

$$HDI = \sqrt[3]{LEI \times EI \times II}$$

1. LEI: Chỉ số tuổi thọ bình quân tính từ lúc sinh (Life Expenctancy Index) = (LE thực tế - 20 năm) / (83,2 năm - 20 năm)
2. EI: Chỉ số giáo dục (Education Index)

$$= MYSI = \frac{\sqrt{MYSI \times EYSI} - 0}{0,951 - 0}$$

MYSI: Chỉ số số năm trung bình đi học của người từ 25 tuổi trở lên (Mean years of schooling Index)

$$= (MYS - 0) / (13,2 năm - 0 năm)$$

EYSI: Chỉ số số năm đi học từ lúc 5 tuổi trở lên theo tất cả các bậc học trong toàn bộ cuộc sống (Expected years of schooling)

$$= (EYS - 0) / (20,6 năm - 0)$$

3. II : Chỉ số Tổng thu nhập quốc gia bình quân đầu người theo PPP

(Income Index GNI at PPP per capita)

$$= \{ \text{Ln} (\text{GNI pc}) - \text{Ln} (163) \} / \{ \text{Ln} (108211) - \text{Ln} (163) \}$$

Như vậy, HDI bằng (=) căn bậc 3 của tích 3 thành tố LEI, EI và II

Về nội dung, HDI sử dụng chỉ tiêu GNI thay cho chỉ tiêu GDP, thay chỉ tiêu tỷ lệ người lớn biết chữ và tỷ lệ đi học các cấp bằng thời gian (tính bằng năm) bằng thời gian đi học tính từ 15 tuổi trở lên và thời gian theo các cấp khác nhau của người từ 25 tuổi trở lên; thay một số max và min với một chỉ tiêu liên quan đến tính HDI, như: tuổi sống được, với số năm đi học...

Theo HDR 2010, HDI và các thành tố của nó năm 2010 ở một số nước như sau:

**Giá trị HDI của Việt Nam**

Năm	Phương pháp mới	Phương pháp cũ
2006	0,547	0,704
2007	0,554	0,720
2008	0,560	0,725

Xếp hạng HDI	Nước	Giá trị HDI	LE: tuổi thọ bình quân... (năm)	MYS (số năm đi học)	EYS (số năm đi học từ 5 tuổi trở lên)	GNI đầu người (USD-PPP 2008)
1	Na Uy	0,938	81	12,6	17,3	51.810
27	Xingapo	0,846	80,7	8,8	14,4	48.893
57	Malayxia	0,744	74,7	9,5	12,5	13.927
89	Trung Quốc	0,663	73,5	7,5	11,4	7.258
92	Thái Lan	0,654	69,3	6,6	13,5	8.001
113	Việt Nam	0,572	74,9	5,5	10,4	2.995
169	Zimbabwe	0,140	47,0	7,2	9,2	176

**Giá trị HDI của toàn thế giới**

	2010 (phương pháp mới)	2000 (phương pháp cũ)	2003 (phương pháp cũ)
Các nước có HD cao	0,717	0,918	0,895
Các nước có thu nhập trung bình	0,592	0,691	0,718
Các nước có HDI thấp	0,393	0,448	0,486
<b>Thế giới</b>	<b>0,624</b>	<b>0,722</b>	<b>0,741</b>

(Theo HDR 2000, 2003, 2010)

Do áp dụng phương pháp mới, nên Giá trị HDI của tất cả các nước thay đổi. Việc xếp hạng giữa các nước theo giá trị HDI của mỗi nước cũng thay đổi, nhưng không lớn. Giá trị HDI theo phương pháp mới nói chung đều giảm so với phương pháp cũ

Thí dụ, mặc dù kinh tế các nước trong nhiều năm qua đều phát triển (chỉ không đạt như mong muốn), nhưng giá trị HDI của cả thế giới đều giảm:

Với nước ta, theo phương pháp tính mới, giá trị HDI cũng giảm nhiều (Xem bảng Giá trị HDI của Việt Nam).

Nhưng, xếp hạng của nước ta không giảm (Năm 2006: 115; 2007: 116; 2008: 113) một phần do năm 2008, nền kinh tế nhiều nước giảm trong khi nước ta tăng<sup>1</sup>.

GNI theo PPP bình quân đầu người nước ta thấp, nhưng do phát triển văn hóa, giáo dục, y tế cũng như việc ngày một cải thiện đời sống vật chất cũng như tinh thần, nên việc xếp hạng thông qua chỉ tiêu HDI nước ta cao thêm 7 bậc nếu so với xếp hạng nếu chỉ căn cứ vào chỉ tiêu GNI bình quân đầu người.

169 quốc gia và vùng lãnh thổ có trong Báo cáo Phát triển con người do HDR năm 2010, cho thấy số nước qua việc xếp hạng qua HDI nếu so với xếp hạng căn cứ vào GNI tăng thêm một số bậc cũng không nhiều lắm. Tuy nhiên cũng có nước tăng tới 30 bậc, như Newzeland; nhưng cũng có nước giảm tới 42 bậc, như Kuwait, ngay Thái Lan cũng giảm tới 11 bậc.

Cũng để thấy vai trò của 3 thành tố tạo thành HDI, sẽ thấy rất rõ Giá trị HDI nhiều (tiền gần tới 1) khi giá trị của cả ba thành tố đều lớn, và từ đó xếp hạng cao hơn. Thật vậy, nước có tuổi bình quân sống được nhiều nhất trên thế giới là Nhật Bản (83,2 năm), nhưng xếp hạng qua HDI cũng chỉ đứng thứ 11; nước Liechteistein là nước có GNI bình quân đầu người theo PPP cao nhất thế giới (80 011 USD-PPP) xếp thứ 6; nước có số năm đi học ở tất cả các trình độ trong suốt cuộc đời nhiều nhất thế giới là Australia ( 20,5 năm) xếp thứ 2.

Với nước ta, mới đây đã có công trình nghiên cứu tính HDI cho các tỉnh, thành phố và ít nhiều đã được ứng dụng ở một số địa phương. Giá trị HDI của các địa phương chẳng những so với cả nước, mà còn ít nhiều muốn so với các nước trong khu vực,... Đây là một ý tưởng tốt, nhưng nay thế giới đã thay đổi, thì có lẽ Việt nam cũng phải nghiên cứu

lại phương pháp tính HDI cho phù hợp với quốc tế. Trước mắt, chỉ nên quan tâm tới xếp hạng theo HDI do Cơ quan Báo cáo phát triển con người (HDI) trực thuộc UNDP tính và công bố.

.....

\*GNI: Gross National Income (Tổng sản phẩm quốc gia) là một chỉ tiêu vĩ mô quan trọng trong SNA, và cũng được ghi nhận trong Hệ thống chỉ tiêu quốc gia Việt nam mới được Thủ Tướng Chính phủ ký tháng 3/2010. Trên tờ Thông tin Khoa học Thống kê số 2/2010 chúng tôi cũng đã có bài giới thiệu khá kỹ nội dung và ý nghĩa của GNI trong nghiên cứu và phân tích kinh tế, trong việc xây dựng kế hoạch hàng năm và nhiều năm cũng như trong điều hành và quản lý kinh tế. ■

#### Tài liệu tham khảo

*Nguyễn Quán, Chỉ tiêu và chỉ số phát triển con người, NXB Thống kê, 1/1995*

*Tổng cục Thống kê, Một số thuật ngữ thống kê thông dụng, NXB Thống kê, 2004*

[http://hdr.undp.org/en/media/HDR\\_2010\\_EN\\_TABLE.pdf](http://hdr.undp.org/en/media/HDR_2010_EN_TABLE.pdf)

[http://vi.wikipedia.org/Danh\\_s%C3%A1ch](http://vi.wikipedia.org/Danh_s%C3%A1ch)

<http://www.worldbank.org/ext/DDPQQ/member.do?method...>

<sup>1</sup>GNI/GDP Việt Nam 2008 94,5% theo Niên giám thống kê 2009, Việt Nam  
GNI/GDP Việt Nam 2008 khoảng 85% theo WB (Xem Thông tin Khoa học Thống kê số 2/2010)